

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2022/DS-PT

Ngày: 28/10/2022

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Ông Hoàng Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2022/TLPT-DS ngày
07/10/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án số 45/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân
thành phố Châu Đốc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐ-PT ngày 07/10/2022
giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn D (T), sinh năm 1965; nơi cư trú: khóm H2,
phường M, thành phố C1, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* bà Dương Thị T1, sinh năm 1965; nơi cư trú: khóm H2, phường M,
thành phố C1, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn L (U), sinh năm 1973; nơi cư trú: khóm 2, phường P, thành
phố C1, tỉnh An Giang. (có mặt)

Ông Châu Thành C; nơi cư trú: khóm C2, phường M, thành phố C1, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp P, xã M1, huyện P1, tỉnh An Giang; chỗ ở: tổ 2, khóm H2, phường M, thành phố C1, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Nguyễn Hoàng H1; nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố C1, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn D, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ông và bà Dương Thị T1 là vợ chồng, nhưng đã ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 28/2018/QSST-HNGĐ ngày 09/3/2018. Trong quyết định thể hiện phần tài sản ông và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi ly hôn thì ông và bà T1 có tài sản chung gồm:

1. Căn nhà lớn gắn liền với đất thổ cư có diện tích 115,6m², tọa lạc tổ 2, khóm Mỹ Hòa, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 675576, sổ vào sổ CH 04463, diện tích 115,6 m², thửa đất số 143, tờ bản đồ số 62 do UBND thành phố Châu Đốc cấp năm 2013 cho vợ chồng D, T1 đứng tên.

2. Căn nhà tại phường Vĩnh Mỹ, có diện tích 72,0 m², nhà này đã bán cho ông Châu Thành C, bà Nguyễn Thị Ngân 180.000.000 đồng (giá thực tế 400.000.000 đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2017; nhà trên đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 137680, sổ vào sổ H.02536cE do UBND thị xã Châu Đốc ngày 10/3/2018, thửa 14, tờ bản đồ 52).

Sau khi bán nhà, đất diện tích 72,0 m². Vợ chồng mua căn nhà nhỏ gắn liền với đất thổ cư chiều ngang 06m x dài 14,7m, tọa lạc tại ngã ba chùa Ông thuộc ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú của Võ Chí Tùng, Nguyễn Thị Bích Phương giá 70.000.000 đồng, (giá thực tế 150.000.000 đồng) vào ngày 10/12/2017. Đất chưa có giấy đỏ, hiện nay đã bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 19/11/2021 (có làm giấy tay).

Sau khi ly hôn thì ông và bà T1 thỏa thuận miệng để chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Căn nhà nhỏ gắn liền với đất thổ cư chiều ngang 06m x dài 14,7m, tọa lạc tại ngã ba chùa Ông, giao cho ông D.

Căn nhà lớn gắn liền với đất thổ cư có tổng diện tích 115,6m², tọa lạc tổ 2, khóm Mỹ Hòa, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, giao cho bà T1 để bà T1 nuôi con.

Trước tết năm 2021 là năm 2017, ông D bán căn nhà ở phường Vĩnh Mỹ cho ông Châu Thành C (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2017) được 400.000.000 đồng, ông cho bà T1 mượn 230.000.000 đồng.

Sau đó ông bán căn nhà và đất là tài sản riêng của ông sau khi chia (nhà, đất chiều ngang 06m x dài 14,7m, tọa lạc tại ngã ba chùa Ông), không pH1 tài sản chung vợ chồng, bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Hoàng H1 ngày 19/11/2021 được 280.000.000 đồng, ông cho bà T1 mượn 150.000.000 đồng.

Tổng cộng ông cho bà T1 mượn tiền 02 lần, số tiền 380.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, khi mượn tiền bà T1 có hẹn sau tết khoảng 01 tháng trả lại, đến nay bà T1 không trả. Nay ông yêu cầu bà Dương Thị T1 trả lại cho ông số tiền 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản tự khai ngày 14/4/2022; Tờ tường trình ngày 06/4/2022; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 28/2018/QSST-HNGĐ ngày 09/3/2018 cùng các tài liệu khác.

Bị đơn bà Dương Thị T1 trình bày: thống nhất với lời khai của ông D về việc trước khi ly hôn bà và ông D có những tài sản chung như ông D trình bày. Sau khi ly hôn thì vợ chồng thỏa thuận như sau:

Căn nhà lớn gắn liền với đất thổ cư có diện tích 115,6m². Vợ chồng đã tặng cho con chung Nguyễn Ngọc Hiền đứng tên năm 2022 (*theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 675576, số vào sổ CH 04463, diện tích 115,6 m², thửa đất số 143, tờ bản đồ số 62 do UBND thành phố Châu Đốc cấp năm 2013 cho vợ chồng (D, T1) đứng tên; đã thực hiện tặng cho con chung tên Nguyễn Ngọc Hiền, sinh năm 1999 vào ngày 11/3/2022*).

Căn nhà nhỏ gắn liền với đất chiều ngang 06m x dài 14,7m, tọa lạc tại ngã ba chùa Ông. Đất này vợ chồng đã bán 280.000.000 đồng (bán giấy tay cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 19/11/2021). Bà nhận 150.000.000 đồng để nuôi con, ông D nhận 130.000.000 đồng.

Tài sản chung vợ chồng thỏa thuận không lập biên bản; tài sản đã sử dụng hết nay ông D khởi kiện yêu cầu bà trả lại số tiền 380.000.000 đồng, bà không đồng ý.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 09/5/2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN675576, sổ vào sổ: CH04463 do UBND thành phố Châu Đốc cấp ngày 09/12/2013 cho ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị T1; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/01/2022 của ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị T1 tặng cho Nguyễn Ngọc Hiên; Giấy sang nhượng nhà và đất ở giữa ông D, bà T1 với bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 19/11/2021; Giấy bán nhà giữa ông Võ Chí Tùng, Nguyễn Thị Bích Phượng bán cho Dương Thị T1 ngày 10/12/2017. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D, bà T1 chuyển nhượng cho ông Châu Thành C ngày 27/11/2017; Tờ biên nhận ngày 06/5/2017; Tờ trình bày 23/5/2022. Tài liệu bà T1 cung cấp chỉ là bản phô, riêng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN675576 là Bản sao.

Tại Bản án số 45/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với bà Dương Thị T1 về việc yêu cầu trả số tiền 380.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/8/2022, ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo với yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bị đơn pH1 trả 380.000.000 đồng tiền vay và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Ông D cho rằng: sau khi vợ chồng ly hôn, ông và bà T1 thỏa thuận chia tài sản chung mà theo đó ông được chia căn nhà gắn liền với đất ở phường Vĩnh Mỹ có diện tích 72m²; ông đã chuyển nhượng phần tài sản được chia cho người khác được số tiền 400.000.000 đồng vào năm 2017, ông dùng một phần tiền nhận chuyển nhượng nhà đất tại ngã ba chùa Ông và cho bà T1 vay 230.000.000 đồng. Đến năm 2021, ông chuyển nhượng nhà và đất tại ngã ba chùa Ông cho người khác và tiếp tục cho bà T1 vay 150.000.000 đồng.

Việc cho bà T1 vay có ông Nguyễn Văn L, ông Châu Thành C, ông Nguyễn Hoàng H1 và chị Nguyễn Thị Ngọc H biết.

Bà T1 không thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Văn D và cho rằng việc chuyển nhượng nhà đất tại phường Vĩnh Mỹ và nhận chuyển nhượng nhà đất tại ngã ba chùa Ông trong thời gian hôn nhân còn tồn tại, thừa nhận khi bà và ông D chuyển nhượng nhà và đất tại ngã ba chùa Ông cho người khác, bà đã nhận tiền chuyển nhượng và giữ số tiền 150.000.000 đồng, chia cho ông D 130.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: ông D cho rằng khi ông và bà T1 là vợ chồng có tạo lập được 02 căn nhà và theo thỏa thuận của vợ chồng ông khi đó, ông được chia căn nhà gắn liền với đất ở phường Vĩnh Mỹ, có diện tích 72m² đã bán cho ông Châu Thành C ngày 27/11/2017 giá 400.000.000 đồng, ông cho bà T1 mượn 230.000.000 đồng, nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân pH1 được vợ chồng định đoạt, ông D không có chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của ông và cũng không có chứng cứ chứng minh cho bà T1 mượn số tiền 230.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông D là có căn cứ.

Sau khi bán căn nhà trên, ông mua lại căn nhà nhỏ gắn liền với đất chiều ngang 06m x dài 14,7m, tọa lạc tại ngã ba chùa Ông thuộc ấp Mỹ Phỏ, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú mua của ông Võ Chí Tùng, bà Nguyễn Thị Bích Phương giá 70.000.000 đồng (giá thực tế 150.000.000 đồng) vào ngày 10/12/2017 là trong thời kỳ hôn nhân, sau khi ly hôn ngày 09/3/2018 thì chưa chia. Đất chưa có giấy đỏ, hiện nay đã bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 19/11/2021 (có làm giấy tay) giá 280.000.000 đồng, bà T1 nhận 150.000.000 đồng, ông D nhận 130.000.000 đồng. Đây được xem là chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, ông D cho rằng cho bà T1 mượn 150.000.000 đồng nhưng ông không có chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông D là có căn cứ.

Ông D kháng cáo nhưng không có căn cứ nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm và ông D pH1 chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Nguyễn Văn D kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên kháng cáo của ông là hợp lệ và được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về xét xử vắng mặt người làm chứng: những người làm chứng gồm ông Châu Thành C, chị Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng H1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử.

Về quan hệ pháp luật: Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xác định tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ “Đòi tài sản”, tuy nhiên, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu, trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Nguyễn Văn D đòi bà Dương Thị T1 pH1 trả cho ông số tiền 380.000.000 đồng là hệ quả của việc ông Nguyễn Văn D cho rằng bà Dương Thị T1 đã vay của ông 02 lần với số tiền 380.000.000 đồng nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ của bên vay tài sản nên xảy ra tranh chấp; trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự - hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử xét thấy: ông D cho rằng căn nhà và đất có diện tích 72m² tọa lạc tại phường Vĩnh Mỹ thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của ông do vợ chồng ông (ông và bà T1) tự thỏa thuận phân chia; nhà đất tại chùa Ông có nguồn gốc hình thành từ tài sản riêng nên cũng là tài sản riêng của ông nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc phân chia tài sản và theo sự thừa nhận của các bên đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập đã xác định được ông D, bà T1 đã cùng nhau định đoạt căn nhà và đất có diện tích 72m² tọa lạc tại phường Vĩnh Mỹ (cùng chuyển nhượng cho ông Châu Thành C và bà Nguyễn Thị Ngân theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 27/11/2017), nhận chuyển nhượng nhà, đất tại chùa Ông vào tháng 12/2017 (trong thời kỳ hôn nhân) và cùng nhau chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 19/11/2021. Như vậy, nguồn gốc tài sản và việc định đoạt các tài sản trên trong thời kỳ hôn nhân nên không có cơ sở để chấp nhận theo trình bày của ông D đây là các tài sản riêng của ông.

Ông D còn cho rằng khi chuyển nhượng căn nhà và đất có diện tích 72m² tọa lạc tại phường Vĩnh Mỹ và nhà, đất tại ngã ba chùa Ông, ông đã cho bà T1 vay với tổng số tiền 380.000.000 đồng nhưng ông đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh và bà T1 không thừa nhận; ngoài ra, đối với người làm chứng Nguyễn Văn L (em ruột ông D) xác định tại phiên tòa việc bà T1 nhờ ông nói hộ với ông D cho bà T1 vay 150.000.000 đồng và bà T1 có điện thoại báo việc đã nhận được tiền vay nhưng ông L cũng thừa nhận không chứng kiến việc ông D và bà T1 giao nhận tiền, tuy nhiên bà T1 không thừa nhận có sự việc trên và ngoài lời trình bày của ông L thì không có căn cứ nào khác để xác định bà T1 có vay 150.000.000 đồng của ông D.

Đối với những người làm chứng: ông Châu Thành C, chị Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng H1, mặc dù có ký trên tờ tường trình của ông D nhưng không liên hệ Tòa án làm việc khi được triệu tập nên không có cơ sở để xác định các trình bày của ông D về việc bà T1 vay tiền là có căn cứ.

Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là đã xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ và trình bày của các đương sự. Do đó, ông D kháng cáo nhưng không có căn cứ nào khác nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét đến và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị

[4] Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D nên ông pH1 chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 158 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

Giữ nguyên Bản án số 45/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với bà Dương Thị T1 về việc yêu cầu trả số tiền 380.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 19.000.000 đồng; khấu trừ vào số tiền 9.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0002112 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc. Ông D pH1 nộp thêm số tiền 9.500.000 đồng.

Bà Dương Thị T1 không pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn D pH1 chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002362 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Các phần khác của Bản án số 45/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp.Châu Đốc;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng